

QUYẾT ĐỊNH

Công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 641/QĐ-BNV ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ tại Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP và Thông tư số 09/2026/TT-BNV các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2026 của UBND thành phố về việc phê duyệt phương án đơn giản hóa về cắt giảm 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nội vụ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2679/TTr-SNV ngày 11 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 03 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và 14 thủ tục hành chính bị bãi bỏ; phê duyệt 03 quy trình nội bộ, quy trình điện tử thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông thuộc phạm

vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ (có Phụ lục I. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ và Phụ lục II. Quy trình nội bộ, quy trình điện tử thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nội vụ kèm theo).

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, giao trách nhiệm cho Sở Nội vụ, Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, UBND các xã, phường thực hiện các công việc sau:

1. Theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm cập nhật Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính. Hoàn thành việc cấu hình thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính ngay sau khi Quyết định này có hiệu lực thi hành.

2. Niêm yết, công khai và triển khai thực hiện giải quyết các thủ tục hành chính liên quan theo quy định tại Quyết định số 641/QĐ-BNV ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Bộ Nội vụ.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Thủ tục hành chính số 01 (mã số 1.000414) tại mục I, Phụ lục I kèm theo Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 đến ngày 28 tháng 02 năm 2027. Thay thế thủ tục hành chính số 02 (mã số 1.000414) tại mục 2, Phần I Quyết định số 1028/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2025 Chủ tịch UBND thành phố Huế và thủ tục hành chính số 44 (1.000414) tại Quyết định số 2046/QĐ-UBND ngày 18/6/2026 của Chủ tịch UBND thành phố.

2. Thủ tục hành chính số 02 (mã số 1.015021) và thủ tục hành chính số 03 (mã số 1.013734) tại mục I, Phụ lục I kèm theo Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2026. Thay thế thủ tục hành chính số 01 (mã số 1.015021) phần I danh mục kèm theo 1368/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2026 Chủ tịch UBND thành phố Huế và thủ tục hành chính số 55 (mã số 1.013734) tại Quyết định số 2046/QĐ-UBND ngày 18/6/2026 của Chủ tịch UBND thành phố; thay thế (mã số 1.013734) số 01 cấp xã (mã số 1.013734) mục 3 phần I danh mục kèm theo Quyết định số 1788/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2025 Chủ tịch UBND thành phố Huế và (mã số 1.013734) số 180 tại Quyết định số 2046/QĐ-UBND ngày 18/6/2026 của Chủ tịch UBND thành phố.

3. Bãi bỏ 14 TTHC tại mục II, Phụ lục I kèm theo Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 đến ngày 28 tháng 02 năm 2027.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (Bộ Tư pháp);
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Các PCVP UBND thành phố;
- Công TTĐT, TT PVHCC thành phố;
- Lưu: VT, KSNC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Mạnh

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BỊ BÃI BỎ
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NỘI VỤ
(kèm theo Quyết định số 2091/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố Huế)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Mức độ DVC	Hiệu lực thi hành
	A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH							
		Lĩnh vực Lao động - Tiền lương							
1.	1.000414	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động ¹	- 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với việc chấp thuận rút tiền ký quỹ của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. - 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với việc cho doanh nghiệp cho thuê lại rút tiền ký quỹ của Ngân	Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố (<i>Số 01 Lê Lai, thành phố Huế</i>) hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	Không	- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội. - Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025 của Chính phủ. - Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ.	Cơ quan thực hiện: Sở Nội vụ; Ngân hàng nhận tiền ký quỹ. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố.	Toàn trình	Từ ngày 01/7/2026 đến ngày 28/02/2027

¹ Thủ tục hành chính này được sửa đổi, bổ sung trình tự thực hiện; thành phần hồ sơ; yêu cầu, điều kiện; căn cứ pháp lý.

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Mức độ DVC	Hiệu lực thi hành
			hàng nhận ký quỹ.			- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ.			
		Lĩnh vực Quản lý lao động ngoài nước							
2.	1.015021	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập ²	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố (<i>Số 01 Lê Lai, thành phố Huế</i>) hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	Không	- Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội. - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ. - Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025 của Chính phủ. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính	Cơ quan thực hiện: Sở Nội vụ. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND thành phố.	Toàn trình	Từ ngày 30/6/2026

² Thủ tục hành chính này sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ; mẫu đơn, mẫu tờ khai; căn cứ pháp lý.

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Mức độ DVC	Hiệu lực thi hành
						phủ. - Nghị định 112/2021/NĐ-CP ngày 10/12/2021 của Chính phủ. - Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. - Thông tư số 09/2026/TT-BNV ngày 15/5/2026 của Bộ Nội vụ.			
	B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ							
		Lĩnh vực Quản lý lao động ngoài nước							
3.	1.013734	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết ³	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành	Không	- Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc	Cơ quan thực hiện và có thẩm quyền quyết định: UBND cấp xã.	Toàn trình	Từ ngày 30/6/2026

³ Thủ tục hành chính này được sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ; mẫu đơn, mẫu tờ khai; căn cứ pháp lý.

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Mức độ DVC	Hiệu lực thi hành
				chính công cấp xã hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố (<i>Số 01 Lê Lai, thành phố Huế</i>) hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.		hội. - Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025 của Chính phủ. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ. - Nghị định số 128/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ. - Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. - Thông tư số 09/2026/TT-BNV ngày 15/5/2026 của Bộ Nội vụ.			

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố của Bộ	Căn cứ pháp lý quy định việc bãi bỏ TTHC	Hiệu lực thi hành	Quyết định đã công bố của UBND thành phố
	1. Lĩnh vực Quản lý lao động ngoài nước					
1.	1.013733	Chuẩn bị nguồn lao động của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Quyết định số 458/QĐ-BNV ngày 21/4/2026 của Bộ Nội vụ	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ	Từ ngày 01/7/2026 đến 28/02/2027	- Quyết định số 2046/QĐ-UBND ngày 18/6/2026; - Quyết định số 1368/QĐ-UBND ngày 25/4/2026.
	2. Lĩnh vực Lưu trữ					
2.	1.013934	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ lưu trữ	Quyết định số 647/QĐ-BNV ngày 24/6/2026 của Bộ Nội vụ	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ	Từ ngày 01/7/2026 đến 28/02/2027	- Quyết định số 2046/QĐ-UBND ngày 18/6/2026; - Quyết định số 1845/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
	3. Lĩnh vực Việc Làm					
3.	2.002824	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Quyết định số 04/QĐ-BNV ngày 05/01/2026 của Bộ Nội vụ	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ	Từ ngày 01/7/2026 đến 28/02/2027	- Quyết định số 2046/QĐ-UBND ngày 18/6/2026; - Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 08/01/2026.
4.	2.002825	Cấp lại Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Quyết định số 04/QĐ-BNV ngày 05/01/2026 của Bộ Nội vụ	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ	Từ ngày 01/7/2026 đến 28/02/2027	- Quyết định số 2046/QĐ-UBND ngày 18/6/2026; - Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 08/01/2026.
5.	2.002826	Gia hạn Giấy phép hoạt	Quyết định số	Nghị quyết số	Từ ngày	- Quyết định số 2046/QĐ-

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố của Bộ	Căn cứ pháp lý quy định việc bãi bỏ TTHC	Hiệu lực thi hành	Quyết định đã công bố của UBND thành phố
		động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	04/QĐ-BNV ngày 05/01/2026 của Bộ Nội vụ	66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ	01/7/2026 đến 28/02/2027	UBND ngày 18/6/2026; - Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 08/01/2026.
6.	2.002827	Thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Quyết định số 04/QĐ-BNV ngày 05/01/2026 của Bộ Nội vụ	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ	Từ ngày 01/7/2026 đến 28/02/2027	- Quyết định số 2046/QĐ-UBND ngày 18/6/2026; - Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 08/01/2026.
7.	2.002828	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Quyết định số 04/QĐ-BNV ngày 05/01/2026 của Bộ Nội vụ	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ	Từ ngày 01/7/2026 đến 28/02/2027	- Quyết định số 2046/QĐ-UBND ngày 18/6/2026; - Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 08/01/2026.
4. Lĩnh vực An toàn, vệ sinh lao động						
8.	2.000134	Khai báo với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	Quyết định số 323/QĐ-BNV ngày 08/4/2025 của Bộ Nội vụ	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ	Từ ngày 01/7/2026 đến 28/02/2027	- Quyết định số 2046/QĐ-UBND ngày 18/6/2026; - Quyết định số 1028/QĐ-UBND ngày 15/4/2025.
9.	1.005449	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng	Quyết định số 323/QĐ-BNV ngày 08/4/2025 của Bộ Nội vụ	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ	Từ ngày 01/7/2026 đến 28/02/2027	- Quyết định số 2046/QĐ-UBND ngày 18/6/2026; - Quyết định số 1028/QĐ-UBND ngày 15/4/2025.

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố của Bộ	Căn cứ pháp lý quy định việc bãi bỏ TTHC	Hiệu lực thi hành	Quyết định đã công bố của UBND thành phố
		công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)				
10.	1.005450	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, đổi tên Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định	Quyết định số 323/QĐ-BNV ngày 08/4/2025 của Bộ Nội vụ	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ	Từ ngày 01/7/2026 đến 28/02/2027	- Quyết định số 2046/QĐ-UBND ngày 18/6/2026; - Quyết định số 1028/QĐ-UBND ngày 15/4/2025.

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố của Bộ	Căn cứ pháp lý quy định việc bãi bỏ TTHC	Hiệu lực thi hành	Quyết định đã công bố của UBND thành phố
		thành lập); Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)				
5. Lĩnh vực Lao động - Tiền lương						
11.	1.000479	Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	Quyết định số 458/QĐ-BNV ngày 21/4/2025 của Bộ Nội vụ	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ	Từ ngày 01/7/2026 đến 28/02/2027	- Quyết định số 2046/QĐ-UBND ngày 18/6/2026; - Quyết định số 1028/QĐ-UBND ngày 15/4/2025.
12.	1.000448	Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	Quyết định số 458/QĐ-BNV ngày 21/4/2025 của Bộ Nội vụ	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ	Từ ngày 01/7/2026 đến 28/02/2027	- Quyết định số 2046/QĐ-UBND ngày 18/6/2026; - Quyết định số 1028/QĐ-UBND ngày 15/4/2025.
13.	1.000464	Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	Quyết định số 458/QĐ-BNV ngày 21/4/2025 của Bộ Nội vụ	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ	Từ ngày 01/7/2026 đến 28/02/2027	- Quyết định số 2046/QĐ-UBND ngày 18/6/2026; - Quyết định số 1028/QĐ-UBND ngày 15/4/2025.

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố của Bộ	Căn cứ pháp lý quy định việc bãi bỏ TTHC	Hiệu lực thi hành	Quyết định đã công bố của UBND thành phố
14.	1.000436	Thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	Quyết định số 458/QĐ-BNV ngày 21/4/2025 của Bộ Nội vụ	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ	Từ ngày 01/7/2026 đến 28/02/2027	- Quyết định số 2046/QĐ-UBND ngày 18/6/2026; - Quyết định số 1368/QĐ-UBND ngày 25/4/2026.

Phụ lục II
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA,
MỘT CỬA LIÊN THÔNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NỘI VỤ
(kèm theo Quyết định số 2091/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố Huế)

1. Thủ tục Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động (1.000414)

- Thời hạn giải quyết: **07** ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ. Trong đó: **05** ngày tại Sở Nội vụ, **02** ngày tại UBND thành phố.

- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

Thứ tự công việc	Đơn vị/người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ làm việc)
I	TẠI BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ CÁC CẤP		02 giờ
Bước 1	(Bộ phận Một cửa tiếp nhận hồ sơ đầu vào)Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã/Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích	- Hướng dẫn các tổ chức/cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp/trực tuyến; + Cung cấp thông tin, hướng dẫn người dân/doanh nghiệp thực hiện TTHC; + Ưu tiên hỗ trợ thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến. - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho tổ chức/cá nhân theo quy định; - Số hóa, cập nhật hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến); - Chuyển hồ sơ (điện tử) trên Hệ thống và bàn giao hồ sơ giấy cho dịch vụ bưu chính công ích để chuyển cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết (tiếp nhận, ghi nhận yêu cầu về hình thức, địa điểm trả kết quả).	02 giờ
II	TẠI SỞ NỘI VỤ		38 giờ
Bước 2.1	a) Lãnh đạo Phòng Lao động - Việc làm b) Chuyên viên Phòng Lao động -	a) Lãnh đạo Phòng Lao động - Việc làm xử lý nhận hồ sơ (điện tử) và phân công Chuyên viên giải quyết.	22 giờ

Thứ tự công việc	Đơn vị/người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ làm việc)
	Việc làm c) Lãnh đạo Phòng Lao động - Việc làm	b) Chuyên viên xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo các văn bản theo quy định, trình Lãnh đạo Phòng Lao động - Việc làm. c) Lãnh đạo Phòng Lao động - Việc làm Xem xét, thẩm định, xác nhận văn bản dự thảo, trình Lãnh đạo Sở.	
Bước 2.2	Lãnh đạo Sở Nội vụ	Ký Tờ trình trình UBND thành phố đồng ý để doanh nghiệp cho thuê lại lao động rút tiền kỹ quỹ.	04 giờ
Bước 2.3	Bộ phận văn thư của Sở Nội vụ	Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký sổ, chuyển hồ sơ cho Bộ phận TN&TKQ của Văn phòng UBND thành phố tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/Trả kết quả giải quyết TTHC.	04 giờ
III	TẠI UBND THÀNH PHỐ		16 giờ
Bước 3.1	Bộ phận TN&TKQ của Văn phòng UBND thành phố tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho Sở Nội vụ và chuyển hồ sơ cho chuyên viên Văn phòng UBND thành phố thụ lý.	02 giờ
Bước 3.2	a) Chuyên viên Văn phòng UBND thành phố b) Lãnh đạo Văn phòng UBND thành phố	a) Xem xét, xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo Văn phòng UBND thành phố. b) Kiểm tra, phê duyệt ký vào hồ sơ.	06 giờ
Bước 3.3	Lãnh đạo UBND thành phố	Ký phê duyệt kết quả TTHC.	04 giờ
Bước 3.4	Bộ phận văn thư Văn phòng UBND thành phố	Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký sổ, chuyển kết quả cho Bộ phận TN&TKQ của Sở Nội vụ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố.	04 giờ
IV	TẠI BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ CÁC CẤP		
Bước 4.1	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã/Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/Doanh nghiệp cung ứng dịch	- Xác nhận trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức/cá nhân.	

Thứ tự công việc	Đơn vị/người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ làm việc)
	vụ bưu chính công ích		
Bước 4.2	Tổ chức/cá nhân nộp hồ sơ	- Xuất trình đối chiếu hoặc nộp bản giấy các hồ sơ, văn bản điện tử có yêu cầu (nếu có). - Nộp phí trực tiếp hoặc thanh toán trực tuyến theo quy định (nếu có). - Nhận kết quả TTHC theo hình thức đã đăng ký: Trực tiếp/ hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích/ hoặc trực tuyến.	
V	TẠI NGÂN HÀNG NHẬN KÝ QUỸ		08 giờ
Bước 5	Ngân hàng nhận ký quỹ	Ngân hàng nhận ký quỹ tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại, nếu đúng quy định thì ngân hàng nhận ký quỹ cho doanh nghiệp cho thuê lại thực hiện rút tiền ký quỹ.	08 giờ
Tổng thời gian giải quyết TTHC			56 giờ

2. Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập (1.015021)

- Thời hạn giải quyết: **03** ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Trong đó, **02** ngày làm việc tại Sở Nội vụ; **01** ngày làm việc tại UBND thành phố.
- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

Thứ tự công việc	Đơn vị/người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ làm việc)
I	TẠI BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ CÁC CẤP		02 giờ
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã/Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích.	- Hướng dẫn các tổ chức/cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp/trực tuyến; + Cung cấp thông tin, hướng dẫn người dân/doanh nghiệp thực hiện TTHC; + Ưu tiên hỗ trợ thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến.	02 giờ

Thứ tự công việc	Đơn vị/người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ làm việc)
		- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho tổ chức/cá nhân theo quy định; - Số hóa, cập nhật hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến); - Chuyển hồ sơ (điện tử) trên Hệ thống và bàn giao hồ sơ giấy cho dịch vụ bưu chính công ích để chuyển cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết (tiếp nhận, ghi nhận yêu cầu về hình thức, địa điểm trả kết quả).	
II	TẠI SỞ NỘI VỤ		14 giờ
Bước 2.1	Lãnh đạo và chuyên viên Phòng Lao động - Việc làm	Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công giải quyết; Xem xét, thẩm định hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, dự thảo Tờ trình UBND thành phố chấp thuận gửi cho doanh nghiệp dịch vụ, thông báo cho UBND cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dịch vụ có hoạt động chuẩn bị nguồn lao động.	10 giờ
Bước 2.2	Lãnh đạo Sở Nội vụ	Ký Tờ trình trình UBND thành phố chấp thuận gửi cho doanh nghiệp dịch vụ, thông báo cho UBND cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dịch vụ có hoạt động chuẩn bị nguồn lao động.	02 giờ
Bước 2.3	Bộ phận văn thư của Sở Nội vụ	Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký sổ, chuyển hồ sơ cho Bộ phận TN&TKQ của Văn phòng UBND thành phố tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành/Trả kết quả giải quyết TTHC.	02 giờ
II	TẠI UBND THÀNH PHỐ		08 giờ
Bước 3.1	Bộ phận TN&TKQ của Văn phòng UBND thành phố tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho Sở Nội vụ và chuyển hồ sơ cho chuyên viên Văn phòng UBND thành phố thụ lý.	01 giờ
Bước 3.2	Chuyên viên Văn phòng UBND thành phố	Xem xét, xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo Văn phòng UBND thành phố.	03 giờ
Bước 3.3	Lãnh đạo Văn phòng UBND thành phố	Kiểm tra, phê duyệt ký vào hồ sơ.	01 giờ

Thứ tự công việc	Đơn vị/người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ làm việc)
Bước 3.4	Lãnh đạo UBND thành phố	Ký Văn bản chấp thuận gửi cho doanh nghiệp dịch vụ, thông báo cho UBND cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dịch vụ có hoạt động chuẩn bị nguồn lao động.	02 giờ
Bước 3.5	Bộ phận văn thư Văn phòng UBND thành phố	Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã/Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích.	01 giờ
IV	TẠI BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ CÁC CẤP		
Bước 4.1	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã/Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích	- Xác nhận trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức/cá nhân.	
Bước 4.2	Tổ chức/cá nhân nộp hồ sơ	- Xuất trình đối chiếu hoặc nộp bản giấy các hồ sơ, văn bản điện tử có yêu cầu (nếu có). - Nộp phí trực tiếp hoặc thanh toán trực tuyến theo quy định (nếu có). - Nhận kết quả TTHC theo hình thức đã đăng ký: Trực tiếp/ hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích/ hoặc trực tuyến.	
Tổng thời gian giải quyết TTHC			24 giờ

3. Thủ tục Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết (1.013734)

- Thời hạn giải quyết: **04** ngày làm việc tại Sở Nội vụ kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.
- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

Thứ tự công việc	Đơn vị/người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ làm việc)
I	TẠI BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ CÁC CẤP		04 giờ

Thứ tự công việc	Đơn vị/người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ làm việc)
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã/Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích.	- Hướng dẫn các tổ chức/cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp/trực tuyến; + Cung cấp thông tin, hướng dẫn người dân/doanh nghiệp thực hiện TTHC; + Ưu tiên hỗ trợ thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến. - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho tổ chức/cá nhân theo quy định; - Số hóa, cập nhật hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC (<i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i>); - Chuyển hồ sơ (điện tử) trên Hệ thống và bàn giao hồ sơ giấy cho dịch vụ bưu chính công ích để chuyển cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết (<i>tiếp nhận, ghi nhận yêu cầu về hình thức, địa điểm trả kết quả</i>).	04 giờ
II	TẠI UBND CẤP XÃ		28 giờ
Bước 2.1	Lãnh đạo và chuyên viên Phòng Văn hóa - Xã hội	Trả kết quả TTHC nếu nội quy có chỉnh sửa, bổ sung: Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công giải quyết; Xem xét, thẩm định hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, dự thảo văn bản	20 giờ
Bước 2.2	Lãnh đạo UBND cấp xã	Lãnh đạo Sở ký phê duyệt kết quả TTHC (nếu có)	04 giờ
Bước 2.3	Bộ phận văn thư Văn phòng HĐND&UBND cấp xã	Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký sổ, chuyển hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã/Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích.	04 giờ
III	TẠI BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ CÁC CẤP		
Bước 3.1	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã/Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích	- Xác nhận trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức/cá nhân.	

Thứ tự công việc	Đơn vị/người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ làm việc)
Bước 3.2	Tổ chức/cá nhân nộp hồ sơ	- Xuất trình đối chiếu hoặc nộp bản giấy các hồ sơ, văn bản điện tử có yêu cầu (nếu có). - Nộp phí trực tiếp hoặc thanh toán trực tuyến theo quy định (nếu có). - Nhận kết quả TTHC theo hình thức đã đăng ký: Trực tiếp/ hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích/ hoặc trực tuyến.	
Tổng thời gian giải quyết TTHC			32 giờ